

Số: **97** /QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày **19** tháng **6** năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược phát triển hệ thống cáp quang quốc tế của Việt Nam
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035**

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Viễn thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Chiến lược phát triển hệ thống cáp quang quốc tế của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035” với các nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

- Hệ thống cáp quang quốc tế của Việt Nam là thành phần quan trọng của hạ tầng số, phải được ưu tiên đầu tư hiện đại, đi trước một bước, bảo đảm kết nối của Việt Nam ra quốc tế có dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng, an toàn, bền vững, đủ không gian để một số đô thị trở thành trung tâm dữ liệu khu vực (Digital Hub).

- Phát triển hệ thống cáp quang quốc tế nhằm mục tiêu xây dựng khả năng tự chủ trong việc thiết lập, triển khai, sửa chữa các tuyến cáp quang quốc tế, đảm bảo an toàn cho mạng lưới Internet Việt Nam, đáp ứng đầy đủ nhu cầu kết nối quốc tế cho phát triển kinh tế số, xã hội số, quốc phòng - an ninh.

- Các doanh nghiệp nhà nước tiên phong triển khai cáp quang quốc tế, thúc đẩy các doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia đầu tư, xây dựng để nhanh chóng phát triển đột phá hệ thống cáp quang quốc tế của Việt Nam.

II. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035

Hệ thống cáp quang quốc tế của Việt Nam nằm trong nhóm dẫn đầu của khu vực về cả số lượng, dung lượng và chất lượng, trở thành lợi thế thu hút đầu tư, xây dựng các trung tâm dữ liệu lớn (Data Center), các nhà cung cấp dịch vụ

điện toán đám mây lớn tới siêu lớn (Hyperscale Cloud). Kết nối đa dạng, an toàn, bền vững, đưa Việt Nam trở thành mắt xích quan trọng của hạ tầng số, hạ tầng truyền dẫn dữ liệu của khu vực và quốc tế, tạo ưu thế và động lực đưa một số đô thị trở thành Digital Hub, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi số.

III. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

- Triển khai và đưa vào hoạt động tối thiểu thêm 10 tuyến cáp quang trên biển mới với công nghệ hiện đại, nâng tổng số tuyến cáp quang trên biển của Việt Nam lên tối thiểu 15 tuyến với dung lượng tối thiểu 350 Tbps.

- Triển khai và đưa vào hoạt động tối thiểu 02 tuyến cáp quang trên biển do Việt Nam làm chủ kết nối trực tiếp tới các Digital Hub trong khu vực.

- Hệ thống cáp quang trên biển của Việt Nam được triển khai phân bố hài hòa theo tất cả các hướng khả thi về mặt kỹ thuật: kết nối ra biển Đông lên phía Bắc; kết nối ra biển Đông xuống phía Nam; kết nối ra vùng biển phía Nam.

- Triển khai và đưa vào sử dụng thêm tối thiểu 02 tuyến cáp quang đất liền quốc tế, đảm bảo tổng dung lượng cáp quang quốc tế trên đất liền đạt tối thiểu 15% dung lượng sử dụng thực tế của hệ thống cáp quang trên biển.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Triển khai các tuyến cáp quang quốc tế theo lộ trình

- Đến năm 2027:

+ Triển khai và đưa vào hoạt động thêm 4 tuyến cáp quang biển mới, nâng tổng dung lượng đạt tối thiểu 134 Tbps.

+ Tiếp tục duy trì tối thiểu Singapore, HongKong, Nhật Bản là Digital Hub kết nối chính.

+ Định kỳ rà soát, đánh giá các Digital Hub xây dựng phương án duy trì/chuyển dịch/bổ sung các điểm kết nối phù hợp theo từng thời kỳ.

+ Hoàn thành và đưa vào sử dụng tối thiểu 01 tuyến cáp quang biển do Việt Nam làm chủ.

+ Triển khai và đưa vào sử dụng tối thiểu 01 tuyến cáp quang đất liền quốc tế.

- Từ năm 2028 đến năm 2030:

+ Triển khai và đưa vào hoạt động thêm tối thiểu 6 tuyến cáp quang biển mới nâng tổng dung lượng thiết kế cáp quang trên biển đạt tối thiểu 350 Tbps.

+ Hoàn thành và đưa vào sử dụng thêm tối thiểu 01 tuyến cáp quang biển do Việt Nam làm chủ.

+ Triển khai và đưa vào sử dụng thêm tối thiểu 01 tuyến cáp quang đất liền quốc tế.

+ Duy trì kết nối tối đa 90% dung lượng cáp quang trên biển tới tối thiểu 04 Digital Hub lớn lân cận trong khu vực Châu Á.

+ Duy trì kết nối dự phòng tối thiểu 10% dung lượng cáp quang trên biển tới tối thiểu 02 Digital Hub lớn tại các khu vực Châu Mỹ, Châu Âu.

2. Đảm bảo an toàn, bền vững hạ tầng cáp quang quốc tế

- Đối với các tuyến cáp quang hướng ra vùng biển phía Nam, triển khai hài hòa các phương án: kết nối trực tiếp tới các Digital Hub, kết nối với các tuyến cáp quang biển theo mô hình Liên doanh (Consortium).

- Ưu tiên tham gia các Liên doanh có nhiều thành phần, đa quốc gia, kết nối đa hướng tới nhiều Digital Hub.

- Định kỳ rà soát, điều chỉnh phương án ưu tiên hướng kết nối đảm bảo cân bằng hài hòa các hướng kết nối.

- Tổng dung lượng cáp quang biển thiết kế đáp ứng nhu cầu dự phòng tối thiểu 1+2 (dung lượng khả dụng gấp 03 lần dung lượng sử dụng thực tế).

- Xây dựng phương án triển khai nhanh tuyến cáp quang biển mới (thời gian hoàn thành dưới 02 năm) dự phòng trường hợp phát sinh tăng trưởng đột biến nhu cầu.

V. GIẢI PHÁP

1. Tổ chức, bộ máy

a) Phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị để thúc đẩy triển khai đột phá hạ tầng cáp quang quốc tế của Việt Nam.

b) Thúc đẩy các doanh nghiệp viễn thông xây dựng bộ phận chuyên trách nghiên cứu, làm chủ công nghệ, xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược phát triển cáp quang quốc tế.

2. Hợp tác trong nước

a) Hợp tác giữa Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ ngành liên quan trong việc thúc đẩy phát triển hệ thống cáp quang quốc tế dung lượng lớn, đa hướng tuyến, an toàn, bền vững.

b) Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp viễn thông trong việc quy hoạch, tháo gỡ khó khăn vướng mắc, triển khai đồng bộ hạ tầng cáp quang quốc tế của Việt Nam.

c) Hợp tác giữa các doanh nghiệp viễn thông trong nước cùng đầu tư, khai thác hiệu quả hạ tầng cáp quang quốc tế của Việt Nam.

3. Hợp tác quốc tế

a) Bộ TTTT chủ động tham gia vào các diễn đàn, hội nghị quốc tế về cấp quang để thu hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ và cập nhật xu hướng phát triển của hệ thống cấp quang quốc tế.

b) Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam hợp tác với các đối tác nước ngoài trong triển khai cấp quang quốc tế.

4. Nghiên cứu, phát triển

Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển năng lực tự chủ trong thiết kế, triển khai xây dựng, bảo vệ, bảo trì và sửa chữa các tuyến cáp quang biển.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Các doanh nghiệp viễn thông căn cứ các nội dung tại Điều 1 Quyết định này chủ động xây dựng và ban hành kế hoạch chi tiết của doanh nghiệp; Chủ động bố trí nguồn lực, kinh phí triển khai thực hiện.

2. Cục Viễn thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Bộ tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ thúc đẩy các doanh nghiệp triển khai nhanh, hiệu quả Chiến lược.

3. Cục Viễn thông là đầu mối tổng hợp thực hiện Chiến lược, định kỳ hàng năm báo cáo Bộ trưởng và Lãnh đạo Bộ; tổ chức sơ kết việc thực hiện Chiến lược vào năm 2027 và đề xuất sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ trọng tâm cho giai đoạn tiếp theo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Viễn thông, Chủ tịch, Tổng Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông và Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng (để b/c);
- Thủ trưởng Nguyễn Huy Dũng;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Các doanh nghiệp viễn thông (để t/h);
- Lưu: VT, CVT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Huy Dũng